

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 111/2023/DS-ST

Ngày: 22-9-2023

V/v “tranh chấp tài sản chung
và tranh chấp về thừa kế tài
sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Qu Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Trần Ngọc Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 về việc “tranh chấp tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số 149, đường Độc Lập, khu phố 1, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Nhật Qu, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp Hiệp Phước, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 11/4/2023). Có mặt

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Sa, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Thạch Hòa, thị trấn Thạch Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn yêu cầu vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp Rạch Đá, xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có mặt

3. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 149, đường Độc Lập, khu phố 1, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà S là ông Qu trình bày:* Bà S và ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1960 (đã chết vào năm 2022 theo giấy chứng tử số 91/TLKT ngày 20/6/2022) là vợ chồng. Bà S và ông T có với nhau 03 người con: Bà Nguyễn Thị Kim Sa, sinh năm 1982, bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1988. Ngoài ra Bà S và ông T không ai có con nuôi hay con riêng gì. Cha của ông T là Nguyễn Văn Chim, sinh năm 1924 (chết năm 1991, không có giấy chứng tử), mẹ của ông T là Bùi Thị Lên, sinh năm 1924 (đã chết, không nhớ rõ năm chết, không có giấy chứng tử). Trong quá trình chung sống giữa bà S và ông T có tạo dựng được 01 số tài sản chung như sau:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích $94m^2$ (theo đo đạc thực tế là $91,7m^2$) tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 89 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 409004 tọa lạc tại thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích $1.825m^2$ (theo đo đạc thực tế là $1.812,2m^2$) tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 95 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 962074 tọa lạc tại thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là $69,4m^2$).

Nay ông T chết nên bà S yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung giữa bà S với ông T đối với 02 thửa đất nêu trên, theo đó: Đối với quyền sử dụng đất có diện tích $94m^2$ (theo đo đạc thực tế là $91,7m^2$) bà S yêu cầu phân chia cho bà S và ông T mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là $45,85m^2$; Đối với quyền sử dụng đất có diện tích $1.825m^2$ (theo đo đạc thực tế là $1.812,2m^2$) và 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là $69,4m^2$ thì bà S yêu cầu chia cho bà S và ông T mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là phần diện tích đất $906,1m^2$ và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là $34,7m^2$.

Đối với phần phân tài sản được chia cho ông T thì bà S yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật thành 04 phần bằng nhau gồm Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Kim Sa, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Hoàng V do ông T chết không để lại di chúc, theo đó, bà S yêu cầu được nhận bằng hiện vật và bà S đồng ý thanh toán lại giá trị bằng tiền cho bà Sa, bà C, ông V.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2023, bị đơn bà Sa trình bày:* Hoàn toàn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là bà C trình bày:* Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn là bà S, không bổ sung gì thêm.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là ông V trình bày:* Thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn là bà S, không bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất tài sản chung của bà S và ông T và thống nhất chia di sản thừa kế của ông T chết không để lại di chúc thành 04 kỷ

phân bằng nhau cho 04 người gồm bà S, bà Sa, bà C và ông V. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn có hộ khẩu và phần đất tọa lạc tại thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Sa có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về tài sản chung giữa bà S và ông T: Các đương sự thống nhất trong quá trình chung sống bà S và ông T có tạo dựng được các tài sản chung gồm:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 94m² (theo đo đạc thực tế là 91,7m²) tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 89 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 409004 tọa lạc tại thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Có tổng giá trị: 1.146.250.000 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 1.825m² (theo đo đạc thực tế là 1.812,2m²) tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 95 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 962074 tọa lạc tại thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là 69,4m² có tổng giá trị: 5.606.095.620 đồng (năm tỷ sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung giữa ông T và bà S là: 6.752.345.620 đồng (sáu tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi đồng).

Bà S yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung và ông T được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung nêu trên, bà S yêu cầu nhận bằng hiện vật và đồng ý thanh toán lại giá trị chênh lệch cho ông T với số tiền là 3.376.172.810 đồng (ba tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm mười đồng). Các đương sự thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà S nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho bà S được quyền quản lý, sử dụng 02 thửa đất số 113, tờ bản đồ số 89 và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 95 trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 69,4m² nêu trên và buộc bà S có nghĩa vụ thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho ông T là 3.376.172.810 đồng (ba tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm mười đồng).

[3.2] Về hàng thừa kế, di sản và phân chia di sản thừa kế của ông T:

- Về hàng thừa kế của ông T: Bà S và ông T có với nhau 03 người con: Bà Nguyễn Thị Kim Sa, bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Hoàng V. Ngoài ra Bà S và ông T không ai có con riêng. Cha của ông T là Nguyễn Văn Chim, sinh năm 1924 (chết năm 1991, không có giấy chứng tử), mẹ của ông T là Bùi Thị Lên, sinh năm 1924 (đã chết, không nhớ rõ năm chết, không có giấy chứng tử). Như vậy, có đủ căn cứ xác định hàng thừa kế của ông T gồm 04 người gồm: Vợ là bà Nguyễn Thị S, các con của ông là Nguyễn Thị Kim Sa, Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Hoàng V.

- Về di sản thừa kế của ông T và phân chia di sản thừa kế của ông T: Do các đương sự khai khi chết ông T không để lại di chúc và thống nhất di sản thừa kế của ông T là số tiền 3.376.172.810 đồng (ba tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm mười đồng). Các đương sự thống nhất chia di sản thừa kế của ông T làm 04 kỷ phần cho 04 người là hàng thừa kế của ông T gồm: bà S, bà Sa, bà C và ông V, theo đó bà S đồng ý thanh toán lại cho mỗi người đương hưởng 01 kỷ phần là số tiền 844.043.202 đồng (tám trăm bốn mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm lẻ hai đồng). Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản là 2.862.830 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm ba mươi đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên các đồng thừa kế mỗi người phải chịu số tiền là 715.707 đồng (bảy trăm mười lăm triệu bảy trăm lẻ bảy đồng) để trả lại cho nguyên đơn bà Sâm.

[4] Quan điểm về giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà S thuộc trường hợp được miễn án phí. Các đương sự còn lại phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 29, 33, 35, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Sa, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Hoàng V về việc “tranh chấp tài sản chung và thừa kế tài sản”.

1.1 Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và bị đơn Nguyễn Thị Kim Sa, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Hoàng V về việc “tranh chấp tài sản chung”, cụ thể như sau:

- Giao cho bà Nguyễn Thị S được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 91,7m² thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 89 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 409004 tọa lạc tại thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Phần đất có tứ cận:

- + Phía Bắc giáp đường ĐT 744 nhựa;
- + Phía Nam giáp thửa đất số 1456, 1480;
- + Phía Đông giáp thửa đất số 363, 445;
- + Phía Tây giáp thửa đất số 1311.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Giao cho bà Nguyễn Thị S được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1.812,2m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 95 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 962074 tọa lạc tại thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích là 69,4m². Phần đất có tứ cận:

- + Phía Bắc giáp đường ĐT 744 nhựa;
- + Phía Nam giáp thửa đất số 1456, 1480;
- + Phía Đông giáp thửa đất số 363, 445;
- + Phía Tây giáp thửa đất số 1311.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

1.2 Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và bị đơn Nguyễn Thị Kim Sa, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Hoàng V về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Hoàng T là: bà Nguyễn Thị Kim Sa, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Hoàng V mỗi đồng thừa kế số tiền là 844.043.202 đồng (tám trăm bốn mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định luật đất đai.

3. Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định đo đạc và định giá tài sản: Buộc các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị Kim Sa, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Hoàng V mỗi người phải nộp số tiền là 715.707 đồng (bảy trăm mười lăm triệu bảy trăm lẻ bảy đồng) để trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Sa, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Hoàng V mỗi người phải nộp số tiền 37.321.296 đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi một ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Qu Tuấn